

NGUYỄN-BÌNH VÀ HOÀI-VIỆT

TẬP ĐỌC VUI

LỚP MẪU GIÁO
— LỚP NĂM —

Quyển I



LIÊN HIỆP BẮC VIỆT XUẤT BẢN THƯ CỤC (YÊN-SƠN NGUYỄN-ĐU)

NGUYỄN-BÌNH và HOÀI-VIỆT
GIÁO-HỌC

TẬP ĐỌC VUI

(TẬP ĐỌC và HỌC THUỘC LÒNG)

Lớp Mẫu giáo, lớp Năm

QUYỂN I

Soạn theo chương-trình
của Bộ Quốc-Gia Giáo-dục

IN LẦN THỨ NHÌ

LIÊN-HIỆP BẮC-VIỆT XUẤT BẢN THỨ CỤC

CÙNG CÁC BẠN NHÀ GIÁO

NỘI-DUNG SÁCH NÀY :

Cả bộ sách có 2 quyển, gồm có 238 bài như sau này :

- 68 bài « tập đọc » soạn theo chương-trình ngữ-vựng.
- 68 bài « tập đọc, học thuộc lòng » soạn theo chương-trình ngữ-vựng.
- 68 bài « tập đọc, truyện vui » rút trong các truyện cổ-tích hay và có luân-lý.
- 34 bài « tập đọc, hát, chơi » ngày thơ và vui-vẻ.

Có phụ thêm :

- 68 trò chơi cổ-truyền và trò chơi hường-đạo.
- 68 câu đố cổ-truyền và câu đố mới.

Số bài đủ dùng cho cả một niên học (9 tháng), mỗi tuần : 7 bài tập đọc, 3 bài học thuộc lòng, 2 trò chơi, 2 câu đố.

Bài nào cũng ngắn và dễ hiểu, hợp với trình-độ trẻ em 6, 7 tuổi.

MẤY ĐIỀU NÊN CHÚ-Ý :

Tập cho trẻ đọc to rõ-ràng và phát-âm đúng. Sửa cho trẻ nói ngọng nói được đúng.

Đặt những câu hỏi dễ cho trẻ tập nói. Tránh những câu hỏi khó làm mệt trí trẻ em.

Ngoài những bài « tập đọc, học thuộc lòng » bằng văn vần thể lục bát, trong sách còn có những bài « tập đọc » bằng văn vần khác. Nếu dùng những bài sau này làm bài học thuộc lòng, thì mỗi lần chỉ nên cho trẻ học 4 câu.

Cứ 2 bài « tập đọc, truyện vui » lại xếp vào 1 trang để đọc 2 lần.

Mỗi lần hết một « truyện vui », nên kể lại từ đầu và nói đại ý truyện ấy cho trẻ nghe.

Nên cho trẻ học thuộc lòng các bài hát.

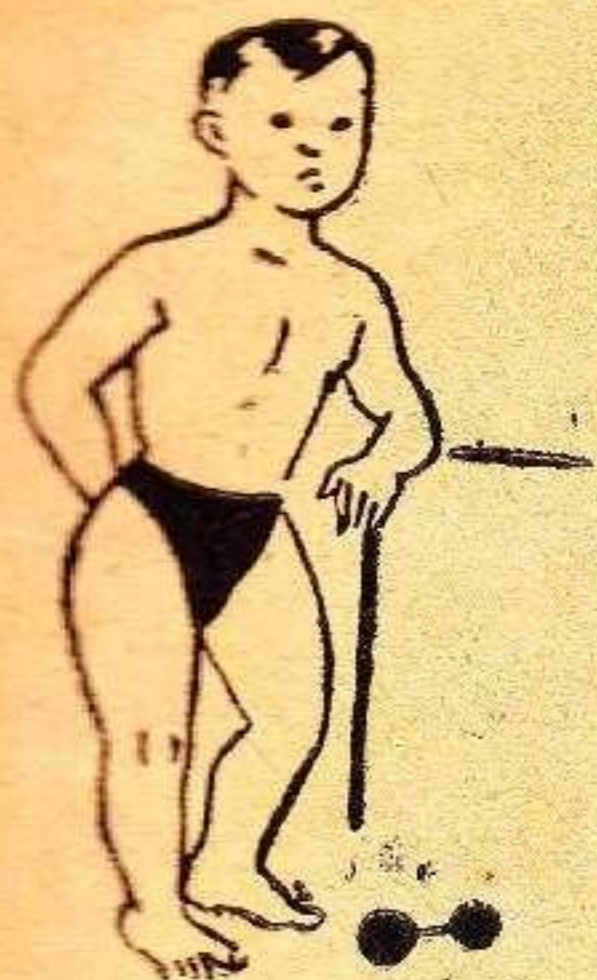
Nên hướng dẫn cho trẻ chơi nhiều lần mỗi trò chơi, rồi để trẻ tự chơi lấy.

1. — ANH THÀNH

(Tập đọc)

Anh Thành lên sáu tuổi.
Anh mập - mập. Nước da
hồng-hào. Bụng thon, ngực
nở. Chân tay cứng-cáp.

Thành sạch sẽ và thích
tập thể-dục. Trông anh khỏe
mạnh và nhanh-nhẹn lắm.



Giải nghĩa. — Mập-mập : béo tốt. — Hồng-hào : màu hơi đỏ có vẻ khỏe mạnh. — Thon : nhỏ-nhỏ. — Cứng-cáp : mạnh-mẽ. — Thể-dục : cách tập về thân-thể.

Câu hỏi. — Thành lên mấy? Anh gầy hay béo? Nước da thế nào? Bụng ngực thế nào? Chân tay khỏe hay yếu? Anh thích làm gì? Trông anh thế nào?

2. — CON BÚP-BÊ

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Em tôi thích nhất búp-bê,
Mẹ chiều đi phố mua về một con.

Mắt đen, chân ngắn, bụng tròn,
Tóc quăn, miệng nhỏ, môi son, má đào.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Môi son : môi đỏ như son. — Má đào : Má hồng hồng như da quả đào chín.

Câu hỏi. — Em bé thích gì? Mắt búp-bê màu gì? Chân thế nào? Bụng thế nào? Tóc thế nào? Miệng to hay nhỏ? Môi màu gì? Má màu gì?

3. — CHI HẢO

(Tập đọc)



Hảo người nhỏ-nhắn. Da trắng-trẻo. Má phình-phính. Mắt tròn và đen.

Hảo thích cưỡi ngựa gỗ. Hai bàn tay mũm-mĩm nắm dây cương. Mồm kêu : «Ếp, nhong-nhong!» Rồi chị cười

ngật-ngheo.

Giải nghĩa. — Phình-phính : má béo, đầy thịt. — Mũm-mĩm : béo đẹp. — Dây cương : dây bằng da, buộc vào mồm ngựa. — Cười ngật-ngheo : cười sáng sủa, cười ngả nghiêng.

Câu hỏi. — Hảo người to hay nhỏ ? Da đen hay trắng ? Má thế nào ? Hảo thích gì ? Hai bàn tay chị làm gì ? Mồm kêu thế nào ? Cười thế nào ?

4. — CON BÚP-BÊ

(Tiếp theo)

Mũi dài, cổ thấp, trán cao,
Áo xanh, quần đỏ, mặc vào đóm - đàng.
Suốt ngày bống-bống, bang-bang,
Em ru nó ngủ, hát vang cả nhà.

M. H.

Giải nghĩa. — Đóm-đàng : đẹp dễ. — Bống-bống, bang-bang : tiếng ru ngủ. — Hát vang : hát âm lên.

Câu hỏi. — Mũi búp-bê thế nào ? Cổ làm sao ? Búp-bê ăn mặc những gì ? Mặc có đẹp không ? Suốt ngày em bé làm gì ? Búp-bê có ngủ thực không ?

5, 6. — VỢ CHỒNG GẤU

(Tập đọc, truyện vui)

I

Xưa, có hai vợ chồng gấu ở trong hang đá. Một hôm, vợ bảo chồng đi bắt cá. Chị còn dặn :

— Mình đừng lại gần tổ ong nhé ! Nhớ ong đốt cho đấy.



Anh gấu le te đi tìm vợ. Rồi ra suối bắt cá.

II

Anh gấu đi qua chỗ bụi cây. Mùi mật ong xông lên, thơm ngào-ngạt. Anh đánh liều đến nơi, thò tay vào tổ ong lấy mật.

Ong bay ra, nhiều vô kể, bám lấy gấu mà đốt. Gấu đau, chạy cuống-cuồng.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Le-te : Nhanh nhẩu. — Thơm ngào-ngạt : Thơm lắm. — Nhiều vô kể : Nhiều lắm không đếm xuể.

Câu hỏi. — Hai con gấu ở đâu ? Vợ bảo chồng làm gì ? Chị ta còn dặn chồng những gì ? Anh gấu tìm vợ để làm gì ?

Anh gấu đi qua bụi cây, thấy gì ? Anh làm thế nào ? Tại sao ong đốt gấu ? Gấu đau phải làm thế nào ?

7.— TẬP TẦM VÔNG

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Tập - tầm - vông !

Tay đang đông,

Tay đang tây,

Tay nào mây,

Tay nào gió ?

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Tập tầm vông I.** — Một em giấu một vật nhỏ trong một nắm tay; tay kia không có gì, nhưng cũng nắm như vậy (làm khéo, không để ai biết). Rồi vừa hát bài trên này, vừa quay tròn hai nắm tay. Hát xong thì hỏi :

Tay nào có ?

Nếu ai chỉ đúng, thì người ấy được cuộc và được làm lại như trên.

B) **Bà còng.** — Các em xếp hàng ngang ở đầu sân. Khi người dẫn chơi ra lệnh, thì các em cúi xuống, đi lom khom, không được chạy, tay vung vẩy, miệng hát đi hát lại câu :

« Bà Còng đi chợ giòi mua

Cái tôm cái tép đi đưa bà Còng. »

Đến cuối sân, những ai đi nhanh hơn được những người đi chậm công về chỗ cũ.

CÂU ĐỐ

A) Nhà có bà hay ăn cơm trước — Là cái gì ? (Đôi đũa cả).

B) Nhà có bà hay ăn cơm trắng — Là cái gì ? (Bình vôi).

8. — TỖ QUẠ

(Tập đọc)

Con quạ bảo anh Càn :



— Cậu học trò kia ơi !
Đầu cậu bù như cái tổ quạ.
Trông xấu lắm !



Càn soi gương, thấy tóc
mình dài và rối bù lên thực.
Anh vội vàng đi cắt tóc,
cho gọn và sạch.

Câu hỏi. — Con quạ bảo gì ? Càn soi gương thấy thế nào ? Anh vội đi làm gì ? Đầu bù đẹp không ?

9. — CHẢI ĐẦU

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Em Liên tuy bé nhất nhà,
Thế nhưng mái tóc đã xòa mang tai.
Nó mong cho tóc chóng dài,
Để còn tết bím, rồi cài lược xương.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Tết bím : tóc tết lại với nhau thành cái đuôi. —
Lược xương : Lược bằng xương.

Câu hỏi. — Tóc em Liên thế nào ? Nó còn mong gì nữa ? Để làm gì ? Tết bím có đẹp không ?

10. — RỬA MẶT

(Tập đọc)

Sáu giờ em dậy,
Em chạy ra sân,
Em múc nước rửa :
Mặt mũi, tay chân.

Kỳ cọ thật sạch,
Rồi mặc áo quần.

Câu hỏi. — Em dậy từ mấy giờ ? Em làm gì ? Em rửa thế nào ? Rửa xong rồi thì làm gì ?

11. — CHẢI ĐẦU

(Tiếp theo)

Lon-ton nó đến trước gương,
Hi-hoay chải tóc, rẽ đường ngôi bên.
Từ-từ nó ngàng đầu lên,
Thấy ngôi thẳng-tắp, em Liên cười khì.

V. Đ. T.

Giải nghĩa. — Lon-ton : Nhanh nhẩu. — Hi-hoay : Cặm-cụi. — Thẳng-tắp : Thẳng lẫm.

Câu hỏi. — Em Liên đến trước gương làm gì ? Nó chải tóc thế nào ? Chải bằng gì ? Tại sao phải chải tóc ?

12, 13. — VỢ CHỒNG GẤU

(Tiếp theo)

III



Chạy đến bờ suối, anh gấu nháy ùm xuống. Nhưng tuy lặn dưới nước, anh cũng phải thò mũi lên thở. Thế là ong cứ nhè chỗ ấy mà đốt. Mũi gấu xưng tưng lên, to bằng quả bưởi. Gấu đành vậy, không dám khóc.

IV

May sao, gấu trốn được dưới bè rau muống. Anh bắt mấy con cua, con cá. Rồi đợi ong đi hết, thì về.

Chị gấu thương chồng. Nhưng chị trách mãi chồng không nghe lời. Anh gấu cũng biết mình tham và dại.

Câu hỏi. — Tại sao gấu nhay xuống suối? Anh phải thò mũi lên làm gì? Ong đốt vào đâu? Mũi gấu có việc gì không? Gấu có khóc không?

Gấu trốn chỗ nào? Ong có biết không? Lúc nào ong về? Vợ gấu có nói gì không? Anh Gấu này có tính xấu gì?

14. — TẬP - TẦM - VÔNG

(Tiếp theo)

II

Tập tầm vó !

Tay nào có,

Tay nào không,

Tay nào phồng,

Tay nào dẹp ?

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Tập tầm vông II.** — Chơi như « Tập tầm vông I ».

Có thể vừa quay tay vừa hát cả hai bài, rồi hãy hỏi :
« Tay nào có ? »

B) **Tênh-tênh.** — Mỗi tổp hai em, đứng lò cò, quay lưng vào nhau. Hai chân co lỏng vào nhau. Hai chân ruỗi cùng nhẩy. Tay vỗ. Miệng hát đi hát lại câu :

« Tênh-tênh ! ta nhẩy lò cò, một đàn học trò, vừa hát, vừa reo.

A a a !

Tênh-tênh... »

Cặp nào nhẩy lâu là được. Cặp nào thôi trước, hay chân chạm xuống đất là thua. Bên thua phải reo mừng bên được : « Hoan hô ! Hoan hô ! A a a ! »

CÂU ĐỐ

A) Trong lớp học cái gì cao nhất, cái gì thấp nhất ? (Trần lớp, sàn lớp).

B) Trong lớp học cái gì đen nhất, cái gì trắng nhất ? (Bảng đen, phấn viết).

15. — NGƯỜI PHU XE

(Tập đọc)



Bác Tư mình trần. Ngực bác nở, lưng rộng. Bắp thịt nổi lên từng chỗ.

Bác Tư khom lưng, kéo chiếc xe bò gạo. Bác bước đi ì-ạch. Mồ hôi chảy ra. Da bác đen và bóng nhẫy.

Giải nghĩa. — ì-ạch : có vẻ nặng nhọc. — Bóng nhẫy : Ướt và bóng.

Câu hỏi. — Bác Tư có mặc áo không ? Ngực và lưng bác thế nào ? Bắp thịt thế nào ? Bác Tư đang làm gì ? Tại sao bước đi ì-ạch ? Lúc nào thì mồ hôi hay chảy ra ?

16. — LƯNG CÒNG

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Bà em tóc bạc, lưng còng,
Bà hay chống gậy, đi vòng quanh sân.

Bà đi chậm-chậm, dần-dần,
Vì bà yếu-ớt tay chân hơn người.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Tóc bạc : tóc trắng như bạc. — Lưng còng : lưng còng, không thẳng.

Câu hỏi. — Bà em già hay trẻ ? Tóc bà thế nào ? Lưng bà thế nào ? Khi còn trẻ thì lưng thẳng hay còng ? Tại sao bà đi chậm ?

17. — CON CHÓ GẦY

(Tập đọc)



Con Vện ốm. Nó gầy quá.
Lưng nó thông xuống. Bụng
nó lép - kẹp. Xương sườn,
xương sống nhô ra. Bốn chân
khô đét.

Vện đi thất thểu. Gió thổi
mạnh, nó có thể ngã được.

Giải nghĩa. — Lép kẹp : trong bụng không có gì. — Khô đét : khô
quắt lại. — Đi thất thểu : đi không vững, xiêu bên nọ vẹo bên kia.

Câu hỏi. — Tại sao con Vện gầy ? Lưng nó có thẳng không ?
Bụng nó có phồng không ? Nhìn ở ngực và bụng nó thấy gì ? Chân
nó có béo không ? Tại sao gió thổi mạnh nó có thể ngã ?

18. — LƯNG CÒNG

(Tiếp theo)

Em thương bà lắm, bà ơi ?

Vì bà chẳng đứng thẳng người như xưa.

Những khi chột nắng, chột mưa,
Bà kêu nhức mỗi hàng giờ sau lưng.

Giải nghĩa. — Chột : bất thình lình, không biết trước.

Câu hỏi. — Tại sao em thương bà ? Khi nào bà hay kêu đau
lưng ? Hễ bà đau lưng thì em làm thế nào ?

19, 20.— BA CHỦ LÙN

(Tập đọc, truyện vui)

I

Xưa, có anh thợ giày nghèo, rất hiền lành. Một hôm, anh bị ốm, phải bỏ dở đôi giày đang đóng.

Nhưng sáng hôm sau, vợ anh thấy tại bàn làm việc, có hai đôi giày mới. Chị đem ra chợ bán. Người ta

khen giày tốt, tranh nhau mua.

II

Sáng hôm sau nữa, chị lại thấy ở chỗ cũ, có hai đôi giày mới khác. Chị nghĩ thầm : « Chồng mình ốm năm kia, thì ai đã đóng giày này ? »

Rồi đợi đến nửa đêm, chị nấp ở khe cửa rình xem...

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Nghĩ thầm : Nghĩ trong bụng, không ai biết.

Câu hỏi. — Anh thợ giày có giàu không ? Tại sao anh phải bỏ dở đôi giày đang đóng ? Nhưng sáng hôm sau chị vợ thấy thế nào ? Chị ta làm gì ? Tại sao người ta tranh nhau mua giày ?

Sáng hôm sau nữa, chị lại thấy gì ? Chị nghĩ sao ? Rồi chị làm gì ? Rình xem cái gì ?

21 — PHÁO TẬP TÀNG

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Pháo tròn, pháo méo,
Pháo dẻo, pháo khô,
Miệng đọc, tay giơ,
Đập chơi cho khỏe:
Bốp !

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Pháo tập tâng I.** — Nhiều em vừa hát bài trên này, vừa vỗ tay đánh nhịp (bàn tay dể bẹt, vỗ khẽ). Khi đến tiếng «Bốp!» thì cùng vỗ mạnh (bàn tay khum khum, vỗ mạnh nghe kêu như pháo).

B) **Ngựa bình kho.** — Cứ ba người một bọn. Mỗi bọn có một người đứng, một người cúi sau lưng hai tay nắm chặt hai cổ tay người đứng, còn một người làm người cưỡi. Người này phải nắm chặt lấy hai vai người đứng. Khi tất cả đều lên ngựa, người dẫn trò ra lệnh cho ngựa chạy tới một đích đã định. Tốp nào không bị ngã mà chạy tới đích nhanh nhất là được cuộc.

Trò chơi bắt đầu lại. Người chơi thay đổi nhau để người nào cũng phải làm ngựa và cũng được cưỡi ngựa.

CÂU ĐỐ

A) Nhà có bà hay la liếm — Là cái gì ? (Cái chổi).

B) Nhà có bà hay lạy phật — Là cái gì ở nhà quê ? (Chầy giã gạo)

22. — BÉ TẬP ĐI

(Tập đọc)



Bé vịn vào cái xe mây. Tay đẩy xe,
chân bước. Bé giơ chân
phải. Rồi giơ chân trái. Bé
chập-chững đi. Trông đến
là hay!

Bé trượt chân, suýt ngã.
Bé mếu-máo. Mợ dỗ-dành.
Bé lại cười ngay.

Giải nghĩa. — Chập-chững: đi lầy-bầy, chưa vững.

Câu hỏi. — Tại sao bé phải vịn vào xe mới đi được? Bé bước thế nào? Đi thế nào? Trông có hay không? Tại sao bé suýt ngã? Bé làm thế nào? Sao bé lại cười ngay?

23. — CHÂN VÀ TAY

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Đôi chân bảo với đôi tay:

«Sao anh vất-vả suốt ngày thế anh?

Chúng tôi thỉnh-thoảng đi quanh,
Mỗi rỗi, chẳng muốn bước nhanh tí nào.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Vất-vả: cực-khổ. — Thỉnh-thoảng: một đôi khi, không phải luôn-luôn.

Câu hỏi. — Chân bảo tay thế nào? Tay có vất-vả thật không? Còn chân thì sao? Chân chăm hay lười?

24. — BÀN TAY ĐẸP

(Tập đọc)

Bàn tay chị Mỹ,
Năm ngón thật xinh.
Vừa tròn, vừa nhọn,
Mũm-mĩm, trắng-tinh.

Những người tay bần,
Trông thật là kinh.

Giải nghĩa. — Mũm-mĩm : béo đẹp. — Trắng-tinh : Trắng và sạch. --

Kinh : Ghê-sợ.

Câu hỏi. — Bàn tay chị Mỹ thế nào ? Tay bần thì sao ? Muốn tay sạch luôn phải làm thế nào ?

25. — CHÂN VÀ TAY

(Tiếp theo)

Các anh chẳng biết làm sao,
Chăm làm, ít thấy lúc nào nghỉ-ngơi ?
Tay rằng : « Muốn sống ở đời,
Phải cần chăm-chỉ, làm thời có ăn. »

V. Đ. T.

Câu hỏi. — Chân còn bảo tay thế nào ? Tay đáp lại làm sao ?
Ta nên chăm hay lười ? Lười thì có ai ưa không ?

26, 27.— BA CHÚ LÙN

(Tiếp theo)

III



Đồng hồ đánh 12 giờ đêm. Vợ anh thợ giầy trông thấy ba chú lùn ở trong lò sưởi chui ra. Chú khâu mũi giầy, chú gò khuôn, chú đóng đế. Vừa làm, vừa hát.

Đóng xong bốn chiếc giầy,

các chú lùn xếp lên bàn. Rồi biến mất.

IV

Đề cảm ơn ba chú lùn tử-tế, chị ta đan biểu ba bộ áo len.

Nửa đêm, ba chú lùn hiện ra. Mỗi chú mặc một bộ áo. Rồi cùng nhau múa hát.

Vì anh thợ giầy đã khỏi, từ bảy giờ các chú không phải đến làm hộ nữa.

Giải nghĩa. — Khuôn : đây là cái khuôn bằng gỗ, giống như bàn chân, để đóng giầy.

Câu hỏi. — Đồng hồ đánh mấy giờ ? Vợ anh thợ giầy trông thấy gì ? Các chú lùn làm gì ? Các chú đóng mấy chiếc giầy ? Xong rồi để đâu ?

Ba chú lùn có tử tế không ? Vợ anh thợ giầy biểu các chú cái gì ? Các chú được áo có thích không ? Tại sao các chú lùn không phải làm hộ bác thợ giầy nữa ?

28.— PHÁO TẬP TÀNG

(Tiếp theo)

II

Pháo già, pháo trẻ,
Pháo bé, pháo to,
Vừa hát, vừa hò,
Giang tay ta đập :
Bốp !

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Pháo tập tàng II.** — Chơi như « Pháo tập tàng I ». Có thể hát bài I, rồi hát luôn đến bài II; mỗi lần đến tiếng « bốp ! » lại vỗ mạnh.

B) **Phơi tôm.** — Các em đứng làm hai hàng, áp lưng vào nhau. Phe bên ngoài là « nắng ». Phe bên trong là « mưa ». Khi quản trò kêu « nắng » thì mỗi em phe nắng khoác lấy hai tay một em đứng sau và cúi xuống, để em này nằm ngửa trên lưng mình. Rồi vừa đi vừa nói: « Giời nắng, phơi tôm ra ». Đến giữa sân thì dừng lại, đứng thẳng lên, mà vẫn khoác tay nhau. Quản trò lại kêu « mưa ». Tức thì mỗi em phe mưa lại cồng một em đứng sau như nói trên, mà đem về chỗ cũ. Vừa đi vừa nói: « Giời mưa, cất tôm vào ».

Cứ thế chơi mãi, chán thì thôi.

CÂU ĐỐ

A) Trong nhà, cái gì nóng nhất, cái gì mát nhất ? (Cái bếp lò, cái quạt).

B) Trong nhà, cái gì to nhất, cái gì bé nhất ? (Cái tủ, cái kim).

THÁNG 10 : THÂN THỂ (tiếp theo) — TUẦN 1 : MẮT, MŨI

29. — MẮT SÁNG

(Tập đọc)



Con mèo Xiêm có hai mắt đẹp. Mắt xanh biếc và trong như ngọc. Khi mèo ngồi chỗ tối, hai mắt sáng rực.

Mắt mèo tinh lắm. Hễ có con chuột nào thập-thò ở xa xa, là mèo trông thấy rồi. Nó nhảy lại vồ ngay.

Giải nghĩa. — Thập-thò : thò ra, thụt vào.

Câu hỏi. — Mắt con mèo xiêm đẹp như thế nào ? Khi mèo ngồi chỗ tối, thì mắt làm sao ? Mắt mèo có tinh không ?

30. — CHƠI VƯỜN

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Sáng nay lững-thững ngoài vườn,
Em ra hứng lấy giọt sương đầu cành,
Hoa vàng nở giữa lá xanh,
Từng đôi bướm trắng lượn vành bên hoa.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Lững-thững : đi thong-thả.

Câu hỏi. — Em ra vườn vào lúc nào ? Em làm gì ? Em thấy những gì ? Em kể tên vài thứ hoa ?

31. — THÒ - LÒ MŨI XANH

(Tập đọc)



Hễ thấy Càn ra phố, là
lũ trẻ lại reo lên :

— Lêu! Lêu! Học-trò thò-
lò mũi xanh!

Càn xấu-hỗ quá.

Sau Càn chịu - khó chùi
mũi luôn. Mũi sạch hơn trước.

Trẻ con không chê nữa.

Câu hỏi. — Thấy Càn ra phố, thì trẻ con làm gì? Càn có xấu hổ không? Sau Càn làm thế nào? Trẻ con có chê nữa không? Hễ có mũi chầy ra, thì ta nên làm gì?

32. — CÁI VƯỜN

(Tiếp theo)

Vài con ong mật lướt qua,
Nụ hồng đỏ sẫm, bên hoa cúc vàng.

Hương thơm thoang-thoảng dịu-dàng,
Gió đưa cành lá nhịp-nhàng lung-lay.

Giải nghĩa. — Lướt : đây là bay qua nhẹ nhàng. Thoang-thoảng : đưa qua không nhiều không mạnh.

Câu hỏi. — Em trông thấy những gì nữa ở trong vườn? Hoa hồng có những màu nào? Hoa cúc có những màu nào? Những hoa ấy có thơm không? Kể vài thứ hoa không có mùi thơm?

33, 34 — THẰNG BẰN

(Tập đọc, truyện vui)

I



Xưa, có thằng bé ở bần.
Người ta gọi nó là thằng Bần.

Bần vớt sách xuống đất,
đề giấy lên bần, đồ mực ra
áo. Nó thích nhất nghịch đất.

Một bà tiên hiện ra, bảo
nó rằng :

— Con ra vườn mà chơi với chúng bạn.
Con tha-hồ lê-la.

II

Ra vườn, Bần gặp con thỏ. Nó
bảo thỏ :

— Chúng mình chơi với nhau nào !
Con thỏ lắc đầu, đáp rằng :

— Gớm anh bần quá ! Tôi không chơi
với đâu.

Bần vừa thẹn, vừa tức. Nó đi tìm bạn
khác vậy.

(Còn nữa)

Câu hỏi. — Bần làm gì ? Nó thích gì ? Bà tiên bảo thế nào ?
Bần bảo gì con thỏ ? Thỏ trả lời ra sao ? Tại sao Bần lại thẹn ?

35. — ÉCH ÔP

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Ếch tài ếch giỏi,
Ếch nói, ếch cười,
Hể anh nào lười,
Phải về giải bát.

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Ếch ôp I.** — Các em ngồi xôm thành hàng đôi (hay ba, bốn), nối đuôi nhau. Một em đầu hàng hát bài trên này. Cứ hết mỗi câu, thì tất cả cùng reo một tiếng « ôp ! » và nhảy một cái như con ếch. Hết câu cuối cùng thì nhảy vài bốn cái và reo một hồi « Ếch ôp ! Ếch ôp ! Ếch ôp ! » Rồi cứ ngồi thế mà chơi lại, hát và nhảy vòng quanh sân (Có thể nghỉ một lát).

B) **Cắm cười.** — Các em chia làm hai phe, đứng làm hai hàng, đối diện với nhau. Phe bên trái đứng yên, phe bên phải làm những điệu bộ thật buồn cười (nhưng, không nói và không đụng vào ai). Nếu phe bên trái có ai bật cười hay mỉm cười, thì người ấy bị loại ra. Sau 5 phút chơi lại. Lần này đến lượt phe bên phải đứng im, phe bên trái làm trò. Phe bên nào ít người bị loại là được. Phe thua phải reo mừng bên được : « Hoan hô ! Hoan hô ! A a a a ! »

CÂU ĐỐ

A) Một mẹ năm, trăm con bước — Là cái gì ? (Bực cửa).

B) Một mẹ năm, trăm con rúc — Là cái gì ? (Cái nhà).

36. — ĂN CAM

(Tập đọc)



Khỉ con bắt được quả cam. Nó ngoạm liền. Vỏ cam dăng. Khỉ nhăn mặt, vứt cam đi.

Khỉ mẹ nhặt quả cam, bóc vỏ. Rồi đưa cho con.

Khỉ con ăn, thấy cam ngon ngọt. Bấy giờ nó mới biết : ăn cam phải bỏ vỏ.

Câu hỏi. — Khỉ con bắt được cái gì ? Nó làm thế nào ? Tại sao nó vứt cam đi ? Khỉ mẹ làm gì ? Lần này khỉ con ăn cam thấy thế nào ? Tại sao ăn cam phải bóc vỏ ?

37. — ANH ĐIẾC

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Xóm tôi có một anh chàng,
Điếc ghê, điếc góm, trông càng ngẩn-ngơ.

Nom anh giáng điệu ồm-ờ,
Gọi anh, anh cứ tảng-lờ như không.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Ngẩn-ngơ ; đờ đẫn, không có vẻ tinh khôn. — Ồm ờ : cợt nhả. — Tảng lờ : giả vờ.

Câu hỏi. — Anh chàng này làm sao ? Trông anh thế nào ? Gọi anh, anh có biết gì không ? Tại sao ?

38. — NGHE CHIM HÓT

(Tập đọc)

Những buổi đẹp trời,
Chim lượn khắp nơi,
Tai nghe chim hót,
Ta hát, ta cười.

Chim kêu rít - rít,
Lòng ta mừng - vui.

Câu hỏi. — Chim hót nghe có vui tại không? Em kể vài con chim biết hót? Kể vài con chim không biết hót? Chim ăn gì? Chim ở đâu?

39. — ANH ĐIẾC

(Tiếp theo)

Gặp ai, anh ngược mắt trông,
Thấy cười, anh chẳng bằng-lòng, anh đi.
Hỏi anh, anh chỉ lăm-lì,
Hét to, anh mới có khi trả lời.

V. Đ. T.

Câu hỏi. — Hỏi anh điếc, thì anh ta có nói gì không? Làm thế nào, anh mới trả lời? Điếc có khổ không?

42.— ÉCH ÔP

(Tiếp theo)

II

Anh nào nhảy đẹp,
Anh nào nhảy cao,
Nhảy qua hàng rào,
Chiếm ngay giải nhất.

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Éch ôp II.** Chơi như « Éch ôp I ». Có thể bắt liên cả hai bài.

B) **Điện thoại.** — Ngồi vòng tròn. Người dẫn chơi nói thầm với người bên phải một câu dài từ 5 đến 10 tiếng. Người này nghe xong lại nói thầm câu ấy cho người bên cạnh của mình. Cứ thế cho đến hết vòng. Người cuối cùng nói to câu mình nghe được. Người dẫn chơi bảo người bên phải mình nhắc lại câu đã bảo thầm và dần dần lần lượt nhắc lại xem sai từ đâu và sai thế nào. Sau cùng, người dẫn chơi nói to câu mình nói thầm, để so sánh những cái sai.

CÂU ĐỐ

A) Bánh gì lăn khắp mặt đường ? (Bánh xe).

B) Cột gì thường đứng ở trên vỉa hè ? (Cột đèn điện).

43.— KÉO CO

(Tập đọc)



Ếch và Nhái nhặt được sợi tơ chuối.

Hai con rủ nhau chơi kéo co. Mỗi con nắm một đầu dây. Chân bám xuống đất. Tay lấy hết gân sức mà kéo. Miệng hò « Rô ta ! » Dây đứt phụt ! Hai con ngã tõm xuống ao.

Câu hỏi. — Ếch và Nhái bắt được cái gì ? Hai con rủ nhau làm gì ? Kéo thế nào ? Tại sao cùng ngã ? Chơi kéo co có cần dây tốt không ?

44.— CHẠY THI

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Anh Thu thách với anh Xuân,
Chúng mình mở cuộc chạy chân thi nào ?
Cả hai cùng góp kẻo vào,
Để làm giải thưởng anh nào chạy nhanh.
(Còn nữa)

Câu hỏi. — Thu thách Xuân làm gì ? Góp kẻo để làm gì ? Chơi chạy thi có ích lợi gì ?

45. — NHẢY DÂY

(Tập đọc)

Lan và Lý quay dây. Huệ nhảy. Trước nhảy từ-từ, sau nhanh thoăn-thoắt. Dây đập xuống đất kêu lộp-bộp. Tà áo bay phấp-phới.

Huệ nhảy chán rồi, đến Lan và Lý.
Chơi nhảy dây vui và khỏe chân.

Giải nghĩa. — Thoăn-thoắt : Nhanh-nhẹn lắm.

Câu hỏi. — *Mấy người chơi nhảy dây ? Những ai quay dây ? Ai nhảy trước ? Chân nhảy thế nào ? Chơi nhảy dây có ích lợi gì ?*

46. — CHẠY THI

(Tiếp theo)

Hai người giao-hẹn phân-minh
Cầm đầu cùng chạy, lao mình băng-băng.
Xuân ta phóng kẻ đã hăng,
Thế mà Thu cũng vượt phăng về đầu.

V. Đ. T.

Giải nghĩa. — Phân minh : Rõ ràng — Băng-băng : Nhanh lắm — Phóng : Chạy nhanh — Hăng : Hăng hái.

Câu hỏi. — *Hai anh chạy thế nào ? Ai chạy nhanh hơn ? Em kể một con vật nào chạy nhanh ? Con vật nào chạy chậm ?*

47, 48. — NGƯỜI KHÔNG - LỒ

(Tập đọc)

I



Xưa, có anh không - lồ cao bằng nóc nhà thờ. Hễ nói với ai, thì anh phải cúi rạp xuống. Tiếng anh to như sấm. Hai mắt vừa bằng hai cái thúng. Miệng rộng như cổng trường học.

Tuy vậy, anh không - lồ hiền lành lắm.

II

Mỗi bữa, anh không - lồ ăn hết hai thúng gạo, nửa con bò và một gánh rau. Anh uống hàng thùng nước một.

Anh không - lồ làm việc rất khỏe. Anh cày bừa, gặt hái, tát nước nhanh hơn một trăm người cùng làm.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Không - lồ : to lớn lắm.

Câu hỏi. — Anh không - lồ cao bằng nào ? Tại sao, khi nói với ai, anh phải cúi rạp xuống ? Tiếng anh thế nào ? Mắt to bằng nào ? Miệng to bằng nào ?

Mỗi bữa anh ăn những gì ? Uống bao nhiêu nước ? Anh không - lồ làm việc khỏe như thế nào ?

49. — CƯỚP CỜ

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Nhanh tay thì được,
Chậm tay thì thua.
Chân giậm giả-vờ,
Cướp cờ mà chạy.

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Cướp cờ I.** — Chia làm hai bên đều nhau, đứng xếp hàng trước một đường vẽ thẳng ngăn trại mình với đất chơi. Hai bên đối diện nhau, mỗi người một số (từ 1, 2, 3, 4, 5, 6...) người đứng bên phải số 1 thì người đối diện đứng bên trái cũng số 1 v...v...

Cờ là một chiếc khăn tay, hay chiếc guốc để giữa sân.

Tất cả vừa hát bài trên này, vừa giậm chân, vỗ tay. Hát xong, thì người cầm đầu gọi một số, ví dụ số 3. Hai người ở hai bên cùng số 3 liền chạy lên, cố tìm cách cướp cờ đem về trại.

Rồi lại hát và gọi số cho đến hết người.

Sau cùng, bên thua phải hoan-hô bên được.

(Trò chơi này đã sửa lại cho các em nhỏ dễ chơi).

B) **Đào mữ** -- Từng đội xếp dọc hàng một trước một cái mữ cách xa chừng 4, 5 bước. Mỗi người kiếm lấy 3 hòn gạch nhỏ. Lần lượt từng người một tiến lên đầu hàng ném gạch trúng vào trong lòng mữ.

Sau cùng đội nào có nhiều gạch trong mữ là thắng cuộc.

CÂU ĐỐ

A) *Đầu bằng quả quit, đít bằng cái thúng* — Là cái gì? (Lồng bàn)

B) *Đầu bằng con ruồi, đuôi bằng cái đĩa* — Là cái gì? (Lá trầu không)

50. — ĐÁNH RĂNG

(Tập đọc)

Con mèo bảo anh Lười

răng :

— Cậu học trò ơi ! Răng sâu hôi lắm. Răng sún xấu lắm. Răng tôi trắng nõn, vì tôi đánh luôn.



Lười nghe mèo. Mỗi ngày anh đánh răng hai lần. Đánh bằng bàn chải và xà-phòng.

Câu hỏi. — Con mèo bảo gì ? Lười có nghe mèo không ? Anh làm gì ? Đánh răng bằng gì ? Những lúc nào nên đánh răng ?

51. — TẮM RỬA

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Muốn cho khỏe-mạnh luôn-luôn,
Em thường tắm-rửa mỗi hôm một lần.
Thoạt-tiên trút bỏ áo quần,
Rửa tay, rửa mặt, rửa chân, gội đầu.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Thoạt-tiên : Trước hết.

Câu hỏi. — Muốn khỏe mạnh, phải thế nào ? Tắm rửa như thế nào ? Một tuần lễ nên tắm mấy lần ? Nếu không chịu tắm luôn thì sao ?

52. — CẮT MÓNG TAY

(Tập đọc)

Móng tay dễ dài,
Thường hay cau bần.
Ta phải cần-thận,
Cắt, gọt luôn-luôn.

Móng ngắn vẫn hơn,
Dễ dài vương - vuiu.

Câu hỏi. — Có nên để móng tay dài không? Tại sao? Ta nên làm thế nào? Có nên cắt móng tay không? Tại sao?

53. — TẮM RỬA

(Tiếp theo)

Kỳ dàng trước, cọ dàng sau,
Xà - phòng em sát, khăn lau khắp người.
Nhẹ nhàng, sạch sẽ, thanh thoi,
Thay quần, thay áo, vào ngồi ăn cơm.

M. H.

Giải nghĩa. — Thanh thoi : dễ chịu.

Câu hỏi. — Tắm bằng gì? Tắm xong thấy thế nào? Rồi làm gì?

Năng tắm rửa thì có lợi những gì?

54, 55. — NGƯỜI KHÔNG-LỖ

(Tiếp theo)

III



Một hôm, anh không-lỗ nằm trên bãi cát, đùa với trẻ con. Trẻ chui vào mồm anh, nằm trong tai anh, trốn vào túi áo anh. Chúng còn bấu lấy tóc anh ta mà đánh đu nữa.

Anh không-lỗ cầm từng đứa trẻ lên, hôn vào má nó.

IV

Một lần, trong nước có giặc. Anh không-lỗ đi dẹp giặc, cứu dân. Anh ta lên núi, cầm những tảng đá ném. Quân giặc chạy không kịp, chết vô-số. Chúng phải xin hàng.

Người ta nhớ ơn anh không-lỗ, gọi anh là «tướng nhà giời».

Giải nghĩa. — Vô số: nhiều lắm. — Xin hàng: xin chịu thua. — Tướng nhà giời: ông tướng ở trên giời xuống.

Câu hỏi. — Anh không-lỗ nằm trên bãi cát làm gì? Trẻ con tinh nghịch những gì? Anh không-lỗ có yêu trẻ không?

Thấy trong nước có giặc, anh không-lỗ làm gì? Anh đánh giặc thế nào? Quân giặc có thua không? Người ta gọi anh không-lỗ là gì?

Chú ý. — Trang này có 2 bài để đọc làm 2 lần.

56. — CƯỚP CỜ

(Tiếp theo)

II

Cờ xanh, cờ đỏ,
Cờ bỏ giữa sân,
Tay đề cho gần,
Cướp cờ mà chạy.

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Cướp cờ II.** — Chơi như « Cướp cờ I ».

Nên đọc bài I, gọi số; rồi đọc tiếp bài II và gọi số. Không nên đọc liền hai bài rồi mới gọi số vì dài quá.

B) **Phá thành** — Vật liệu: 1 quả bóng quần và vài chiếc guốc hay que củi.

Xếp guốc cao lên làm « thành » ở một góc tường. Người chơi đứng vòng cung. Một người cầm bóng ném vào « thành », mồm kêu « đoàng ». Bóng bật ra, lăn vào chân ai, người ấy nhất ném. Mỗi lần thành đổ, tất cả cùng vỗ tay reo: « Thành đổ rồi! A ha ha! » Người phá đổ thành phải vào dựng lại cho người khác ném.

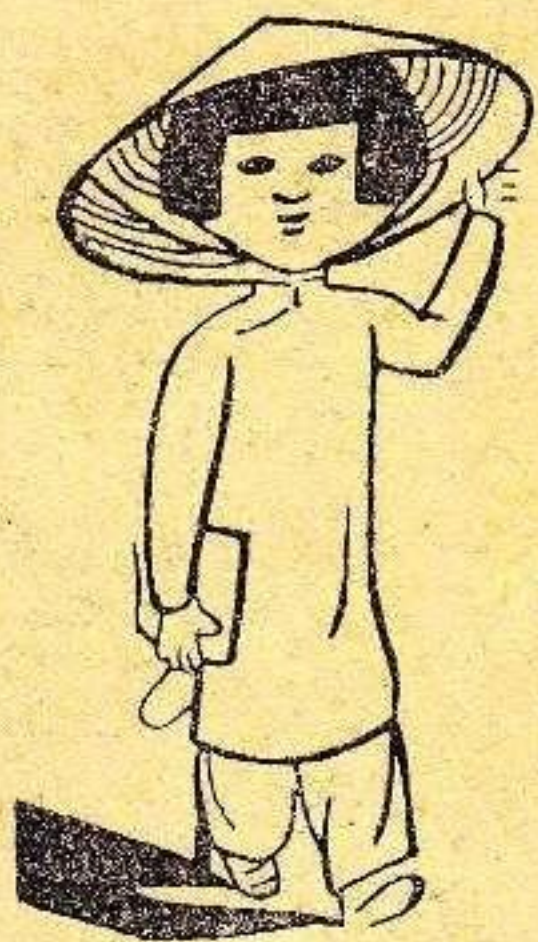
CÂU ĐỐ

A) *Những bánh gì không ăn được? (Bánh xe, bánh pháo, bánh xà phòng)*

B) *Những quả gì không ăn được? (Quả bóng, quả dấm ở cánh cửa).*

57. — TRƯỜNG EM

(Tập đọc)



Trường em xây bằng
gạch. Mái lợp ngói đỏ.
Tường quét vôi trắng. Chung-
quanh có hàng-rào.

Trường có năm lớp. Mỗi
lớp là một phòng rộng. Hàng
ngày em đến trường học-tập.

Câu hỏi — Trường em xây bằng gì? Mái lợp bằng gì? Tường
màu gì? Chung quanh trường có gì? Trường có mấy lớp? Hàng ngày
em đến trường làm gì?

58. — ĐI HỌC

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Áo quần đã mặc sẵn-sàng,
Tay cầm sách vở gọn gàng hảnh-hoi.
Chào cha, chào mẹ xong rồi,
Em đi học thẳng một thôi đến trường.

(còn nữa)

Giải nghĩa. — Hảnh hoi: tươi-tắn tử-tế.

Câu hỏi. — Trước khi đi học, em làm những gì? Em đi học
thế nào? Có nên đi học sớm quá không? Có nên đi học muộn quá không?

60. — SÂN TRƯỜNG

(Tập đọc)

Trước trường có sân rộng. Bốn góc là bốn cây bàng. Bóng cây mát rượi. Giữa sân, có trồng một cột đu. Lại có mấy con ngựa gỗ, để chúng em cưỡi.

Giờ chơi, chúng em nô-dùa vui-vẻ trong sân. Chúng em tha-hồ chạy nhầy.

CÂU HỎI. — Sân trường ở đâu? Bốn góc sân có gì? Trồng cây để làm gì? Giữa sân có gì? Lại có những gì nữa? Giờ chơi, em chơi ở đâu?

61. — ĐI HỌC

(Tiếp theo)

Tránh xe, chú-ý dọc đường,
Đến nơi, chúng bạn còn dương xếp hàng.

Một hồi trống đánh nghe vang,
Cùng nhau vào lớp, ngồi bàn học chung.

M. H.

Câu hỏi. — Tại sao đi đường phải tránh xe? Nếu đi đường mà vô ý thì sao? Em đến trường có đúng giờ không?

62, 63. — ĂN TRỘM BÒ

(Tập đọc, truyện vui)

I



Một bác nhà quê túng tiền, dắt bò ra chợ bán. Có hai tên bợm theo rình để lấy trộm. Một tên lén tới sau lưng bác, tháo dây buộc bò, quàng vào cổ mình. Tên kia đánh bò đi thẳng. Thành thử bác nhà quê cứ dắt tên

trộm đi mà không hay.

II

Biết bạn đi xa, tên trộm này dừng bước. Thấy động, bác nhà quê quay lại. Bác lấy làm lạ, hỏi tên trộm :

— Anh là ai? Con bò của tôi đâu?

— Tôi là con bò của bác đây. Vì xưa kia, có lần tôi say rượu, đánh mẹ tôi, nên giờ bắt phạt hóa ra bò.

(còn nữa)

Giải nghĩa : *Túng tiền* : không có tiền tiêu.

Câu hỏi. — *Bác nhà quê dắt bò ra chợ làm gì? Hai tên bợm theo rình để làm gì? Một tên làm thế nào? Tên kia làm thế nào? Tại sao bác nhà quê dắt tên trộm đi mà không hay?*

Khi biết bạn đi đã xa, thì tên trộm này làm gì? Bác nhà quê quay lại, bảo thế nào? Tên trộm đáp lại ra sao? Nó nói thật hay nói dối?

Chú ý. — Trang này có 2 bài để đọc làm hai lần.

63. — CAM, QUÝT, MÍT, HỒNG

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Mít vàng, cam đỏ,
Hồng chín, quýt xanh,
Bốn anh đều lành,
Bốn anh đều ngon.
— Thích quả gì ?

(còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) Cam, quýt, mít, hồng I. — Trò chơi này có 5 người. Bốn người đứng xếp hàng và dặn thăm nhau mỗi người lấy một tên là cam, hay quýt, mít, hồng. Một người đứng giữa sân.

Bốn người hát bài trên. Đến hết câu cuối, thì người đứng giữa sân gọi một tên (là cam, hay quýt, mít, hồng) trùng tên ai, thì người ấy phải ra công về chỗ mình. Còn mình, thì được ra đứng giữa sân. Trò chơi bắt đầu lại.

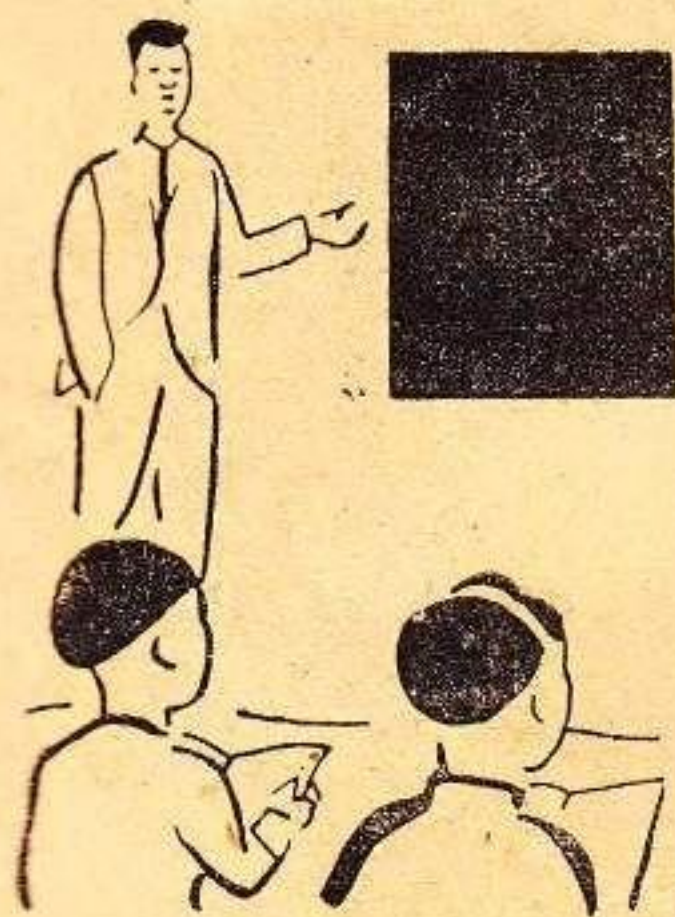
B) Bịt mắt bắt dê. — Vẽ xuống đất một vòng tròn to. Một người bịt mắt đi đuổi, cố bắt lấy một người. Những người kia chỉ được chạy trong vòng, vừa chạy vừa kêu « be be ! » Ai bị bắt hay chạy ra ngoài vòng, phải đến lượt bịt mắt và đi đuổi.

CÂU ĐỐ

A) Vừa bằng cánh cửa nằm giữa giữa giò là lá gì ? (Lá chuối)

B) Vừa bằng dùi đục, nhưng nhúc nhúc con là cái gì ở trận bát ?
(Ổng dừa)

64. — LỚP HỌC



Lớp em dài 8 thước, rộng 6 thước. Có một cửa ra vào và năm cửa sổ. Lớp rất sáng-sủa. Trong lớp có hai dãy bàn ghế. Trên tường có tranh-ảnh. Bàn thầy-giáo kê ở trước mặt học-trò. Bên cạnh là cái bảng đen.

Câu hỏi. — Lớp em dài, rộng bao nhiêu? Có mấy cửa ra vào và cửa sổ? Trong lớp có những gì? Trên tường có gì? Bàn thầy giáo ở đâu? Bảng đen ở chỗ nào?

65. — CÁI BẢNG ĐEN

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Cạnh thầy có chiếc bảng đen,
Ở ngay trước mặt chúng em cùng ngồi.

Ghép bằng mấy mảnh ván rời,
Thành hình chữ nhật, xong rồi sơn đen.

(Còn nữa)

Câu hỏi. -- Chiếc bảng đen ở chỗ nào? Nó bằng gì? Hình gì? Sơn màu gì?

67. — BÀN GHẾ

(Tập đọc)

Hai dãy bàn dài.
Và hai dãy ghế,
Bầy đều hai phía,
Giữa có lối đi.

Cả bàn lẫn ghế,
Đều bằng gỗ lim,
Vững chãi nằm im,
Trên nền gạch đỏ.

Câu hỏi. — Có mấy dãy bàn ghế? Bầy thế nào? Bàn ghế bằng gì? Có chắc chắn không? Em có nên vẽ bầy ra bàn ghế không? Có nên lấy dao vạch lên mặt bàn ghế không?

Chú ý. — Nếu dùng bài này để làm bài Học thuộc lòng, thì mỗi lần học một nửa.

68. — CÁI BẢNG ĐEN

(Tiếp theo)

Nhiều khi thầy gọi chúng em,
Phải lên làm tính bảng đen mấy lần.
Em cầm phấn viết dần-dần,
Bảng đen, phấn trắng có phần đẹp ghê.

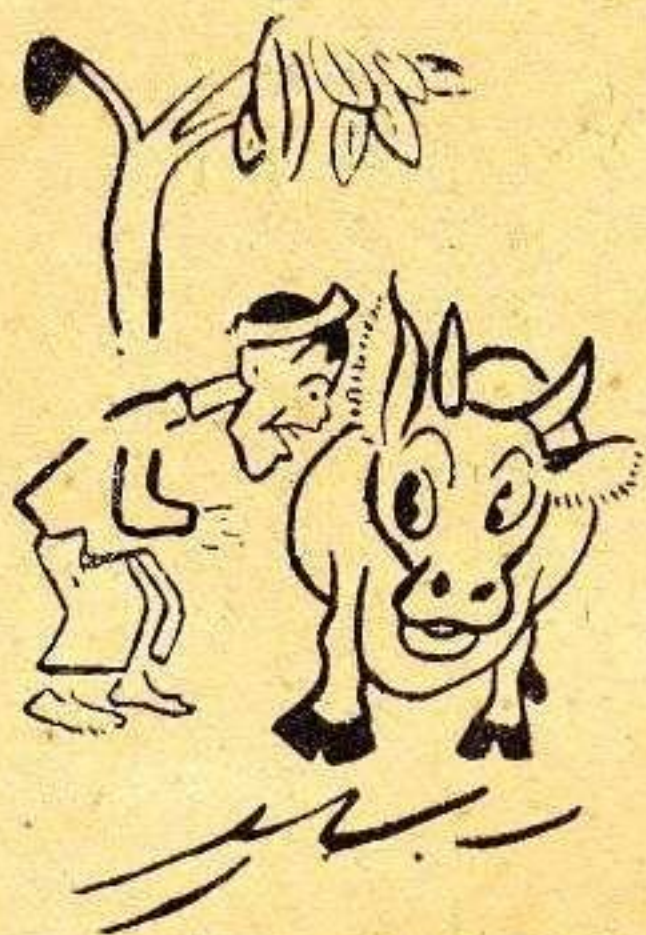
Câu hỏi. — Thầy gọi lên bảng làm gì? Em viết bảng thế nào? Viết bằng gì? Lau bảng bằng gì?

68, 69. — ĂN TRỘM BÒ

(Tiếp theo)

III

Nghe tên trộm nói, bác nhà quê tưởng thật. Bác thương lắm, bảo nó rằng :



— Tội nghiệp nhĩ ! Thế ra tôi vẫn bắt anh cày bừa vất vả, mà không biết. Anh đừng giận tôi nhé !

Rồi bác tháo giây thừng cho tên trộm đi.

IV

Mấy ngày sau, bác nhà quê cần bò làm ruộng, liền ra chợ tìm mua. Bác gặp con bò cũ. Bác ghé vào tai nó, nói thầm :

— Khốn-khổ chưa ! anh đã lại say rượu và đánh mẹ rồi, nên mới bị trời phạt ? Thôi, ta chẳng dại, rước anh về lần nữa.

Nói rồi, bác ta đi tậu con bò khác.

Câu hỏi. — Nghe tên trộm nói, bác nhà quê nghĩ thế nào ? Bác bảo gì nó ? Rồi bác làm gì ?

Về sau bác nhà quê đi tậu bò làm gì ? Gặp con bò cũ, thì bác bảo gì nó ? Con bò ấy có thực là người hóa ra không ?

70. CAM, QUÝT, MÍT, HONG

(Tiếp theo)

II

Quýt bé con-con,
Cam tròn ung-ủng,
Mít bằng cái thúng,
Hong đỏ, hong ngâm.
— Thích quả gì?

M. H.

TRÒ CHƠI

A) Cam, quýt, mít, hong II. Chơi như « Cam, quýt, mít, hong I ».

Có thể đọc hai bài làm hai lần. (Không đọc liền hai bài, rồi mới gọi tên, vì dài quá).

B) **Săn thỏ.**— Mỗi bận hai người chơi, còn bao nhiêu đứng xung quanh mà cười, 1 người là đi săn, 1 người là con thỏ, cả hai đều bịt mắt và mỗi người đứng một đầu bàn. Khi có hiệu chơi, thì người làm đi săn đuổi người làm thỏ, lúc nào hai người cũng phải vịn vào bàn.

Khi thỏ bị bắt thì thay vai, thỏ làm đi săn. Khi xong hai người khác vào thay.

CÂU ĐỐ

A) Cây gì có lá mà không có cành? (Cây chuối).

B) Cây gì không cành, không lá? (Cây đèn, cây nến).

71.— CÔ GIÁO

(Tập đọc)



Cô giáo em độ hai mươi tuổi. Cô hiền-lành và vui tính. Cô giảng bài rõ-ràng. Cô dạy rất chăm. Ai có lỗi, cô mắng. Ai ngoan, cô khen. Cô yêu học-trò như con. Cô bảo gì em cũng phải vâng lời ngay.

Câu hỏi. — Cô giáo em thế nào ? Có dạy học ra sao ? Học trò như thế nào thì phải mắng ? Như thế nào được khen ? Hễ cô giáo bảo gì, em có vâng lời không ?

72.— YÊU BẠN

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Em thân với bốn, năm anh,
Giờ chơi riu-rít chạy quanh sân trường.
Ú-tim, em nấp sau tường,
Các anh mãi chẳng biết đường tìm em.

(Còn nữa)

Câu hỏi. — Em có mấy bạn thân ? Giờ chơi em chơi đùa với bạn những gì ? Chơi với bạn có vui không ? Em có thích nhiều bạn không ?

73. — BẠN HỌC

(Tập đọc)

Lớp em có năm mươi người học trò.
Họ là bạn của em. Chúng em quý nhau.
Chúng em không cãi nhau. Chúng em chơi
chung với nhau.

Cô giáo vẫn bảo : « Các em nên yêu
nhau như anh chị em một nhà.

*Câu hỏi. — Ở trường, những ai là bạn em ? Các em đối với nhau
thế nào ? Cô giáo vẫn bảo gì ? Các em có nghe không ?*

74. — YÊU BẠN

(Tiếp theo)

Chia nhau chiếc kẹo, que kem,
Dở tranh, dở ảnh, cùng xem hàng giờ.
Rủ nhau đi học cùng chờ.
Chúng em chẳng có bao giờ cãi nhau.

V. Đ. T.

*Câu hỏi. — Các em có gì ăn có chia cho nhau không ? Có gì chơi
có cho nhau chơi chung không ? Có rủ nhau đi học không ? Có bao giờ
cãi nhau không ?*

75, 76. — THẰNG BÉ TÍ-HON

(Tập đọc, truyện vui)

I



Xưa, có hai vợ chồng người tiểu-phu sinh được bảy con giai. Con cả mười bảy tuổi, con út lên bảy.

Sáu đứa trên lớn như thường. Còn đứa út chỉ bé bằng ngón tay cái mẹ nó. Người ta gọi là thằng Tí-Hon.

Tí-Hon tuy bé mà hóm-hỉnh nhất nhà.

II

Năm ấy giờ làm đói-kém. Hai vợ chồng bác tiểu-phu kiếm chẳng đủ ăn. Mới bàn nhau bỏ đàn con vào rừng, để xem có ai đem về nuôi hộ chẳng.

Tí-Hon biết vậy. Nó lén ra đường, nhặt đầy hai túi sỏi, để hể có vào rừng, thì đánh dấu đường về.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Tiểu phu : Người kiếm củi — Con cả : Con lớn nhất — Con út : Con bé nhất — Tí-Hon : Bé lắm — Hóm-hỉnh : Tinh khôn — Đói kém : Mất mùa, người ta thiếu cái ăn.

Câu hỏi. — Hai vợ chồng bác tiểu-phu sinh được mấy con ? Đứa con út lên mấy ? Nó bé bằng nào ? Tên nó là gì ?

Tại sao hai vợ chồng lại định bỏ các con vào rừng ? Tí-Hon biết vậy thì nó làm gì ? Nó tinh khôn không ?

77.— KÉO GỖ

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Gỗ chìm, gỗ nổi,
Gỗ giỏi, gỗ xoan,
Gắng sức ta làm,
Ra công ta kéo.

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Kéo gỗ.** — Trên sân vạch một đường phấn thẳng. Hai bên bằng nhau đứng xếp hàng sang hai bên vạch, đối diện với nhau. Từng đôi một, người bên này nắm lấy tay người bên kia.

Một người hát bài trên. Cứ hết mỗi câu thì tất cả cùng hò « Rô ta ! » và kéo nhẹ.

Đến câu cuối cùng, thì hò to và kéo thật mạnh. Người nào bị kéo qua vạch phấn là thua.

B) **Châu-chấu.** — Vẽ nhiều vòng tròn cách nhau không đều, cái cách 20 phân, cái cách 30 phân.

Độ 4, 5 người chơi với nhau. Lần lượt từng người chụm chân nhảy vào vòng thứ nhất, rồi qua các vòng khác, đến vòng cuối. Không được đứng lại trong vòng, mà cũng không được dẫm vào vạch. Nếu phạm lỗi phải ra ngoài.

Lượt chơi sau có thể thêm lên, bắt đi hết các vòng, rồi đi trở lại lần nữa.

Người thua phải công người được vòng quanh chỗ chơi.

CÂU Đố

A) Vừa bằng hạt đỗ, ăn cổ cả làng. — Là con gì ? (Con ruồi).

B) Vừa bằng lá tre, ngo ngoe dưới ruộng — Là con gì ? (Con dế).

78. — QUYỀN VỎ

(Tập đọc)



Cô giáo thưởng cho Thành một quyển Tập-đồ. Bìa vở màu đỏ. Giấy bên trong trắng tinh. Thành đếm được hai mươi trang. Trang nào cũng kẻ dòng và in chữ mẫu. Chữ thật là đẹp. Thành

định bụng giữ vở cẩn-thận cho sạch mãi.

Câu hỏi. — Bìa vở thế nào? Giấy bên trong thế nào? Có bao nhiêu trang? Trên mỗi trang có gì? Chữ mẫu có đẹp không? Thành định bụng thế nào?

79. — CẶP SÁCH

(Tập đọc và học thuộc lòng)

Mợ em vừa mới mua cho
Chúng em chiếc cặp da bò đẹp thay.

Đánh xi bóng nhoáng mát tay,
Hai ngăn rộng-rải, một dây dề quàng.

(Còn nữa)

Câu hỏi. — Mợ mua cho em cái gì? Cái cặp bằng gì? Có mấy ngăn? Có một cái dây dề làm gì?

80. — QUYỀN SÁCH

(Tập đọc)

Quyền sách tập đọc,
Có bốn mươi trang.
Giấy trắng, bìa vàng,
Chữ in thật rõ.

Chữ dễ, chữ khó,
Em đọc lâu-lâu.
Em giữ khỏi nhàu,
Những trang giấy quý.

Giải nghĩa. — Đọc lâu-lâu: đọc trơn, không vấp-vấp.

*Câu hỏi. — Quyền tập đọc có bao nhiêu trang ? Giấy màu gì ?
Bìa màu gì ? Chữ in thế nào ? Em giữ gìn thế nào ?*

81. — CẶP SÁCH

(Tiếp theo)

Cặp da vừa tiện, vừa sang,
Xếp sách, xếp vở gọn-gàng dễ coi.
Em thường lấy dẻ em chùi,
Không để xuống đất, không bôi mực vào.

V. Đ. T.

Câu hỏi. — Cặp da có tiện dùng không ? Dùng làm gì ? Em giữ gìn thế nào ? Cần thận như vậy để làm gì ?

82, 83. — THẰNG BÉ TÍ - HON

(Tiếp theo)

III



Sớm hôm sau, cả nhà đi vào rừng. Nhân lúc các con mãi nhặt củi, thì bố mẹ bỏ trốn. Sáu đứa lớn thấy bị lạc, òa lên khóc. Thằng Tí-Hon dỗ-dành :

— Các anh nín đi, để em đưa về cho.

Rồi nó cứ theo vết đá sỏi mà dẫn các anh về tận nhà.

IV

Đến nhà, lũ trẻ nấp ngoài cửa. Chúng nghe tiếng mẹ khóc nức-nở :

— Không biết các con tôi giờ ra sao ? Khốn-nạn, được hôm có tiền, mua nhiều cái ăn, thì lại chẳng có đứa nào !

Lũ trẻ chạy ùa vào. Hai vợ chồng mừng-rỡ, ôm lấy các con.

Câu hỏi. — Khi các con mãi nhặt củi, thì bố mẹ làm gì ? Sáu đứa lớn thấy bị lạc, có sợ không ? Thằng Tí-Hon bảo gì các anh nó ?

Đến nhà, lũ trẻ có vào ngay không ? Chúng nghe thấy gì ? Sau chúng làm gì ? Tại sao bố mẹ chúng mừng rỡ ?

84. — KÉO GỖ

(Tiếp theo)

II

Miệng hò cho khéo,
Tay kéo phăng-phăng.
Càng kéo càng hăng.
Làm không biết mệt.

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Kéo gỗ II.** — Chơi như « Kéo gỗ I »

Có thể hát liền hai bài.

B) **Lợn đôi chuông.** — Ba người thành 1 tổp, các tổp xếp thành vòng tròn, 1 người thừa đứng giữa. Mỗi tổp có 2 người vòng tay nhau làm chuông, 1 người làm Lợn. Còi một cái, các con Lợn phải đổi chuông cho nhau, trong khi ấy người đứng giữa (hay là Lợn không có chuông) phải chạy kiếm lấy một chuông mà chui vào. Lợn nào chậm chân, mất chuông phải vào giữa, chờ tiếng còi sau mà tìm chuông.

CÂU ĐỐ

A) Quả gì lắm cạnh nhiều khe ? (Quả khế)

B) Quả gì nhiều mắt ? (Quả dưa)

THÁNG 12 : HỌC ĐƯỜNG (Tiếp theo) — TUẦN 1 : LÀM VIỆC

85. — VIẾT TẬP

(Tập đọc)



Hảo ngồi ngay ngắn.
Ngực không tựa vào bàn.
Tay phải cầm bút. Tay trái
dè lên mép vở. Hảo nhìn
chữ mẫu mà viết. Nét chữ
run-run và cong-queo. Hảo

viết nắn nót. Hễ được chữ nào đẹp, thì

Hảo lại khoe rồi-rít.

Câu hỏi. — Hảo ngồi thế nào? Hảo nhìn chữ mẫu để làm gì?
Chữ Hảo viết thế nào? Hảo viết có cẩn thận không? Hễ viết được
chữ nào đẹp Hảo thì có thích không?

86. — HỌC BÀI

(Tập đọc và học thuộc lòng)

Sáng nay em dậy sớm giờ,
Nhìn lên, trời mới tờ-mờ rạng đông,
Em vừa tập thể-dục xong,
Chạy vào lấy sách, ra công học bài.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Tờ-mờ : chưa sáng rõ.

Câu hỏi. — Em dậy vào lúc nào? Giờ đã sáng rõ chưa? Em
làm những gì? Học bài buổi sáng có chóng thuộc không?

87 — TẬP ĐỌC

(Tập đọc)

Thành tập đọc. Anh đứng thẳng người.
Tay cầm quyển sách, vừa tầm con mắt.

Anh đọc từng câu một. Đọc thông-
thả và rõ-ràng. Mỗi lần ngắt câu, thì anh
dừng lại nghỉ. Rồi lại đọc tiếp.

Thầy giáo khen Thành đọc giỏi.

*Câu hỏi. — Thành đứng thế nào? Cầm sách thế nào? Đọc thế
nào? Đến chỗ ngắt câu, có phải nghỉ không?*

88. — HỌC BÀI

(Tiếp theo)

Hôm nay, bài học hơi dài,
Em ôn kỹ lại đến hai, ba lần.

Nhằm xem thuộc cả mười phần,
Xếp mau sách vở, ra sân ăn quà.

V. Đ. T.

*Giải nghĩa. — Ôn : học lại. — Nhằm : học nhằm trong bụng không
đọc ra tiếng.*

*Câu hỏi. — Bài học dài hay ngắn? Em học ôn lại thế nào? Học
thuộc rồi, thì làm gì?*

89, 90. — MƯU CỐC TÍA

(Tập đọc, truyện vui)

I

Hồ thách voi thi hét. Ai
tiếng to làm chuyển rừng,
thì được ăn thịt kẻ thua.

Voi rống lên trước. Thú
vật đều sợ, run lên cầm-cập.
Đến lượt hồ gầm. Thú-vật
chạy toán - loạn. Cây - cối
chuyển - động ầm - ầm, như

có bão.

Thế là hồ được cuộc.

II

Voi thua, xin hồ cho mình về thăm
nhà ba ngày. Rồi sẽ xin đến cho hồ ăn thịt.
Đi đường, voi gặp cóc tía. Nó kể
chuyện cho cóc tía nghe.

Cóc tía bảo voi để mình cưỡi lên đầu.
Đưa cóc đến với hồ. Rồi cóc sẽ có mẹo
làm cho hồ sợ.

(Còn nữa)

Câu hỏi.— Hồ thách voi thế nào? Voi hét có to không? Hồ gầm
có dữ không? Con nào được?

Voi thua, khổ thế nào? Voi nói chuyện gì với cóc tía? Cóc tía
bàn thế nào?

91. — VỖ TAY

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Tay vỗ,
Lòng vui,
Miệng cười,
Chân bước,
Đi trước,
Đi sau...

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Vỗ tay I.**— Đứng thành hàng ngang, hay đứng vòng tròn. Cứ hát một câu lại vỗ tay một cái và làm điệu. Thí dụ: hát câu « Lòng vui » thì mỉm cười; hát câu « Miệng cười » thì cười to hơn; hát câu « Chân bước » thì tiến chân phải lên; hát câu « Đi trước » thì tiến thêm chân trái; hát câu « Đi sau » thì lùi chân trái.

Làm đi làm lại nhiều lần. (Tuần sau hát và chơi cả bài thì vui hơn).

B) **Giật khăn quàng.**— Người chơi chia làm hai phe, đứng hai đầu sân. Người nào cũng quấn trên đầu một chiếc khăn tay.

Một tiếng còi, hai bên xông ra giữa sân, tìm cách giật khăn của nhau. Người bị giật chỉ tránh, chứ không được giăng lại. Ai mất khăn phải đứng một chỗ, làm tù binh.

Tan cuộc, bên nào giật được nhiều hơn là được. Bên thua phải reo mừng bên được: « Hoan hô ! Hoan hô ! A a a ! »

CÂU ĐỐ

A) Vừa bằng con bò nằm co giữa ruộng — là cái gì ? (Cái mả).

B) Vừa bằng cái nong, cả làng đông không hết — là cái gì ? (Cái giếng).

THÁNG 12 : HỌC-ĐƯỜNG (tiếp theo) — TUẦN 2 : TRÒ CHƠI

92. — NHẪN, KHÓC, CƯỜI

(Tập đọc, trò chơi)

Chúng em đứng vòng tròn. Cô giáo đứng giữa. Cô giáo hẹn :



— Mỗi khi thổi còi 1 tiếng thì tất cả đều nhắm mắt, 2 tiếng thì khóc, 3 tiếng thì cười.

Cô giáo bắt đầu thổi còi : 1 tiếng, 2 tiếng, rồi 3 tiếng. Có người làm đúng.

Cũng có người làm sai. Ai làm sai, cô bắt lò-cò một vòng quanh sân.

Câu hỏi. — Học trò chơi gì ? Cô giáo giao hẹn thế nào ? Có ai làm đúng không ? Làm sai bị phạt thế nào ?

93. — RÔNG-RẢN

(Tập đọc và học thuộc lòng)

Mấy anh cùng ở phố này,

Được hôm nghỉ học, họp bầu cùng chơi.

Tìm ra phố vắng, thưa người,

Giở trò Rông-Rản đùa cười với nhau.

(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Họp bầu : Họp đàn, họp bạn.

Câu hỏi. — Các anh chơi trò gì ? Chơi ở đâu ? Chơi có vui không ?

94. — GIUNG-GIĂNG

(Tập đọc, trò chơi)

Giung-giăng giung-giẻ,
Giắt trẻ đi chơi,
Đến hỏi ông giời,
Xin vài cái bánh.

Gặp xe thì tránh,
Đội mũ lên đầu,
Đi chậm, đi mau,
Lâu lâu lại hụp !

Giải nghĩa. — Giung-giăng : Tung-tăng, giắt nhau đi ngoài đường.

Cách chơi. — Ba bốn em giắt tay nhau, vừa đi vừa hát bài trên này, hát theo nhịp bước. Khi hết câu : « Lâu lâu lại hụp » thì cùng ngồi xuống. Rồi lại đứng lên mà đi và hát lại cho kỳ chán.

95. — RỒNG RẺ

(Tiếp theo)

Hỏi rằng : Rồng Rẻ đi đâu ?

Muốn xin khúc giữa, khúc đầu, khúc đuôi,
Khúc đầu chạy ngược, chạy xuôi,
Khúc mình bám sát, khúc đuôi vòng tròn.

V. Đ. T.

Câu hỏi. — Chơi Rồng rẻ thế nào ? Độ bao nhiêu người thì chơi được ? Có cần chơi ở chỗ rộng không ? Em kể vài trò chơi khác ?

96, 97. — MƯU CỐC TÍA

(Tiếp theo)

III



Gặp hồ, cóc tía quát lên:
— Bớ hồ kia! Con voi
này của ta, để ta ăn thịt.
Mi dám tranh hử?

Hồ thấy cóc bé nhỏ mà
tợn cũng sợ. Bèn nói:

— Mi có giỏi, hãy thi
nhảy qua suối với ta. Ai

thua sẽ bị ăn thịt.

Cóc nhận lời.

IV

Hồ mới vươn mình, thì cóc đã ngậm
lấy đuôi hồ. Khi hồ nhảy, thì quật đuôi,
tung cóc sang trước. Cho nên sang tới
bờ suối bên kia, nó đã thấy cóc đấy
rồi. Cóc nói:

— Chú mình chậm quá! Ta sang từ
lâu. Và vừa chén hết một con hồ lớn.

(Còn nữa)

Câu hỏi. — Gặp hồ cóc nói gì? Hồ nói lại thế nào? Cóc có
nhận lời không?

Tại sao cóc lại nhảy được qua suối? Cóc dọa hồ thế nào? Nó
nói có thật không?

98 — VỎ TAY

(Tiếp theo)

I

Đi mau,
Đi chậm,
Chân dậm,
Tay giờ,
Hò ơ!
Ta nhảy.

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Vỏ tay II.** — Chơi như vỏ tay I. Hát câu « Đi mau » thì tiến chân trái, hát câu « Đi chậm » thì lùi chân trái, hát câu « Chân dậm » thì dậm chân trái; hát câu « Tay giờ » thì giờ tay phải; hát câu « Hò ơ! » thì reo to và giờ thêm tay trái; hát câu « Ta nhảy » thì nhảy cao lên. Sau cùng reo « A a a a! »

Nên hát và chơi liên cả bài trước.

B) **Nhảy vô.** — Người chơi chia làm hai bọn. Một bọn ngồi thành vòng tròn, tay nắm lấy nhau và để gần sát xuống đất. Bọn người ở ngoài làm thế nào nhảy được vào trong, qua những hàng rào tay đó mà không bị người ngồi dưới rình hắt tay lên làm cho vương căng. Khi nào một người đã nhảy vào được, thì những người khác cứ theo mà vào. Rồi lại tìm cách nhảy ra. Ra được lại tìm cách nhảy vào.

Nếu người đầu nhảy không thoát, bị vương căng là thua. Nếu những người sau không ra vào cùng một cửa với người đầu cũng là thua. Bên thua phải ngồi xuống quây làm vòng cho bên kia nhảy.

CÂU ĐỐ

Chim gì biết nói? (Sáo, Yểng, Vẹt)

Chim gì biết bơi? (Vịt, Ngỗng, Ngan)

99.— TẬP THỂ-DỤC

(Tập đọc)



Chúng em xếp hàng cả ngoài sân. Ai cũng mặc áo nịt, quần đùi. Thầy dạy giơ chân, giơ tay, chạy nhảy. Chúng em làm theo. Chân tay cử-động nhịp-nhàng. Thỉnh thoảng lại nghỉ một lát.

Thầy bảo : « Chăm tập thể-dục thì khỏe-mạnh. »

Giải nghĩa. — Nhịp nhàng; Đều đều. — Thỉnh thoảng : Một đôi khi, không luôn-luôn.

Câu hỏi. — Học trò ăn mặc thế nào ? Thầy giáo làm gì ? Học trò có làm theo không ? Chân tay cử động thế nào ? Tại sao thỉnh-thoảng lại nghỉ ? Chăm tập thể-dục thì sao ?

100.— ĐÁ BÓNG

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Giờ chơi, mấy lớp ra sân,
Kẻ chơi đáu lỏ, người quần bóng da.
Lớp Tư đấu với lớp Ba,
Quanh sân tha bóng, như là đuổi nhau.

(Còn nữa)

Câu hỏi. — Học trò chơi gì ? Lớp nào đấu với lớp nào ? Đá bóng thế nào ? Chơi bóng có vui không ? Có khỏe không ?

101. — TẬP THỞ

(Tập đọc)

Thành ra trước cửa sổ. Anh tập thở.
Anh đứng thẳng. Ngực ưỡn. Hai tay đưa
từ dưới lên trên. Mũi hít mạnh. Lồng
ngực phồng lên. Thành lại hạ tay xuống.
Mồm thở mạnh. Lồng ngực dẹp xuống.

Thành làm đi làm lại nhiều lần trong
mười phút. Ngực anh rất nở-nang.

Câu hỏi. — Thành tập thở như thế nào? Tập thở để làm gì?
Nên tập thở ở đâu? Tập độ mấy phút?

102. — ĐÁ BÓNG

(Tiếp theo)

Chẳng còn trật-tự trước sau,
Nhảy lên tranh bóng, ngã đau là thường.
Mười anh chạy khắp sân trường,
Trống tùng vào học, còn đương mệt nhoài.

V. Đ. T.

Giải nghĩa. — Trật-tự : thứ-tự, trước sau.

Câu hỏi — Các anh đá bóng có trật tự không? Có hay ngã
không? Mấy anh chơi tất cả? Chơi xong có mệt không? Có nên
chơi nhiều quá không?

103, 104. — MƯU CỐC TÍA

(Tiếp theo)

V



Nhìn miêng cóc còn dính
lông, hồ tưởng cóc nói thật.
Nó hoảng hồn chạy mất.

Giữa đường, gặp khỉ.
Hồ kể chuyện cho khỉ nghe.
Lại nhờ khỉ tìm hộ chỗ ẩn.

Thấy con cọp to tướng
sợ con cóc tí-tẹo, thì khỉ bật
cười ha-ha! Nó bảo hồ dẫn đi bắt cóc tía.

VI

Hồ dẫn khỉ đi. Nhưng lấy dây buộc
khỉ vào với mình. Vì nó e khỉ đánh lừa.

Vừa trông thấy hồ và khỉ, cóc tía đã
lên tiếng:

— Chào anh khỉ! Anh bắt hộ tôi con
hồ đấy ư? Gớm, trói kỹ quá!

Hồ nghe nói, cắm đầu chạy mất.

(Còn nữa).

Giải nghĩa. — Hoảng hồn: sợ quá — E: e sợ, nghi ngại.

Câu hỏi. — Thấy miêng cóc dính lông hồ, thì hồ tưởng gì? Sao lại chạy? Hồ nhờ khỉ việc gì? Sao khỉ lại cười? Nó bảo gì hồ?

Hồ dẫn khỉ đi đâu? Sao lại buộc khỉ vào với mình? Trông thấy hồ và khỉ thì cóc nói thế nào? Tại sao hồ lại chạy?

105. — CHÈO ĐÒ

(Tập đọc, hát, chơi)

I

Chèo dò, chèo đạc,

Ớ khoan !

Sóng giạt phương nam,

Ớ khoan !

Thuyền sang phương bắc,

Ớ khoan !

Mái chèo ta nhấc,

Ớ khoan !

(Còn nữa)

TRÒ CHƠI

A) **Chèo dò I.** — Các em đứng xếp hàng 1, nối đuôi nhau. Mỗi em cầm một thước kẻ. Em đứng đầu hát bài trên. Cứ đến tiếng « Ớ khoan ! » thì tất cả vừa hò vừa chèo dò bằng thước kẻ.

Hát nhiều lần.

B) **Chim bay.** — Người chơi đứng vòng, người dẫn chơi đứng giữa, hô to : « Cò bay », mỗi người phải nhảy lên vung tay mạnh, bắt chước cò bay. Nếu người dẫn trò hô : « Bò bay » thì phải đứng im vì bò không biết bay. Ai nhầm phải lò cò xung quanh một vòng người dẫn chơi. Có thể gọi tên các con vật biết bay và các con vật không biết bay khác.

CÂU ĐÓ

A) *Đi nhe răng, về nhe răng* — Là cái gì để làm ruộng ? (Cái bừa).

B) *Kiên tổ, vừa đổ vừa giăng* — Là gì ? (Tổ kiến).

106. — HỌC TRÒ TỐT

(Tập đọc)



Ở lớp em có anh Nam là ngoan hơn cả. Anh đi học đúng giờ. Anh lễ-phép với thầy, tử-tế với bạn. Anh học hành chăm-chỉ. Bài học nào anh cũng thuộc. Sách vở giữ gìn sạch-sẽ.

Thầy giáo khen-ngợi anh Nam luôn.

Chúng em, ai cũng yêu-mến anh.

Câu hỏi. — Anh Nam đi học thế nào? Anh đối với thầy, với bạn ra sao? Anh học hành thế nào? Sách vở giữ gìn thế nào? Tại sao thầy khen anh Nam? Tại sao các em yêu anh Nam?

107. — CHĂM VÀ LƯỜI

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Anh Cần chăm nhất lớp em,
Bảng danh-dự đã nhiều phen đứng đầu.
Bài nào anh cũng thuộc lâu,
Học-hành chăm-chỉ, trước sau chuyên-cần.
(Còn nữa)

Giải nghĩa. — Bảng danh dự : bảng ghi tên những học trò tốt. — Chuyên cần : chăm chỉ.

Câu hỏi. — Ai chăm nhất lớp? Anh Cần học hành thế nào? Học trò như thế nào được ghi tên vào bảng danh dự?

108. — HỌC TRÒ XẤU

(Tập đọc)

Anh Tam đã lười,
Lại còn vô-lễ,
Ở nhà cãi mẹ,
Gây-sự với em

Đến lớp chẳng thèm,
Nghe lời thầy giảng,
Cãi liểu, nói bướng,
Trêu-gheo bạn-bè.

Câu hỏi. — Tam có những nét hư nào? Trẻ con hư thì có ai ưa không? Em có nên bắt chước anh Tam không?

109. — CHĂM VÀ LƯỜI

(Tiếp theo)

Chẳng bù cho Biếng một phần,
Cả ngày sách chẳng một lần ngó qua.
Nếu không lần-lút góc nhà,
Thì lê khắp xóm hoặc là chạy nhông.

Câu hỏi. — Anh Biếng có những nét hư nào? Hư như thế thì có ai ưa không? Ta có nên bắt chước anh Biếng không?

112. — CHÈO ĐÒ

(Tiếp theo)

II

Cắt tiếng hồ-khoan,
Ớ khoan !

Thuyền lướt cho ngoan,
Ớ khoan !

Trên làn sóng cả,
Ớ khoan !

Thong-thả thuyền trôi,
Ớ khoan !

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Chèo đò II.** — Chơi như « Chèo đò I » Nên hát cả hai bài liền cho vui.

B) **Thò thụt.** — Người chơi đứng vòng quanh người dẫn chơi. Khi người này bảo « thò » thì tất cả đều giơ tay lên trên đầu ; khi bảo « thụt » thì ngồi xuống. Người dẫn chơi có quyền nói « thò » nhưng lại ngồi xuống, hay nói « thụt » mà lại đứng lên. Còn các người khác phải làm đúng. Có lỗi phải lò cò quanh vòng, rồi lại về chỗ chơi.

CÂU ĐỐ

A) Con vật nào nhiều chân nhất ? (Con rết).

B) Con vật gì chạy nhanh nhất, con vật nào chạy chậm nhất ?
(Con thỏ, con rùa).

113.— ÔNG KỂ TRUYỆN

(Tập đọc)



Các cháu ra đây, nghe
ông kể truyện nào !

Thành và Hảo sán lại
bên ông.

Ông kể những truyện :
Thằng bé Tí Hon, Ba chú
lùn, Vợ chồng gấu. Truyện nào cũng hay,
cũng lạ. Cứ đến đoạn nào vui, các cháu
lại cười khúc-khích.

Bà nói lầm-bầm : « Ông chiều cháu
quá ! »

*Câu hỏi. — Ông kể những truyện gì ? Những truyện ấy thế nào ?
Đến đoạn buồn cười thì các cháu làm gì ? Bà nói lầm bầm thế nào ?*

114.— YÊU BÀ

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Ba đồng một mớ khoai lang,
Bác nãi đem luộc, đưa sang biếu bà.

Ba đồng mua một mớ cà,
Mang vại ra nén để bà sơ cơm.

M. H.

*Câu hỏi. — Mua khoai làm gì ? Mua cà làm gì ? Em có yêu bà em
không ?*

115. — BÀ CHIA QUÀ

(Tập đọc)

— A ! a ! bà đi chợ về.

Các cháu chạy ùa ra đón bà.

Bà mua một rổ quà đầy tú-hụ. Này là chuối, bánh đa, bỏng mật. Bà chia cho em bé trước nhất. Sau đến các anh, các chị.

Mấy anh em bày cỗ chơi. Rồi cùng ăn chung, rất vui-vẻ.

Giải nghĩa. — Đầy tú-hụ: Đầy cao có ngọn.

Câu hỏi. — Bà mua quà những gì? Bà chia thế nào? Các cháu được quà rồi làm gì?

116. — LẠY TRỜI

(Tập đọc, học thuộc lòng)

Lạy trời cho lúa lắm bông,
Cho mít lắm quả, cho hồng lắm hoa,
Nắng êm, mưa gió thuận-hòa,
Mẹ cha mạnh-khỏe, ông bà yên vui.

M. H.

Giải nghĩa. — Mưa gió thuận hòa: Mưa gió đều đều, không lúc nào nhiều quá hay ít quá; mưa gió có đều hòa thì cây cối mới tốt, người mới khỏe mạnh.

Câu hỏi. — Em cầu trời thế nào? Tại sao em lại mong cho cha mẹ mạnh khỏe? Mong cho ông bà yên vui? Ông bà có yêu cháu không?

117, 118. — CON MÈO LÁU-LỈNH

(Tập đọc, truyện vui)

I

Có một con mèo rất dữ tợn.

Chuột sợ, không dám thò ra khỏi hang. Mèo thèm thịt chuột quá, bèn nghĩ ra một mẹo :

Mèo lăn mình vào trong thùng bột, để cho bột bám kín cả lông. Rồi mèo thu hình, ngồi vào một xó nhà,

không động dậy. Chuột nằm trong hang nhìn ra, ngỡ là đồng bột.

H

Một chú chuột reo lên :

— Kìa sao lại có đồng bột ngon-lành thế kia !

Một chú khác cũng reo :

— Ừ, đồng bột thật nhỉ. Anh em ơi, ra mà chén đi !

Hai chú chuột bò ra, định ăn một bữa no-nê. Nhưng mèo nhảy phắt lên, vỗ trúng hai chú. Mèo thích trí, kêu meo-meo, rồi ăn thịt liền.

T.

Câu hỏi. — Tại sao chuột không dám thò ra khỏi hang ? Mèo nghĩ một mẹo thế nào ? Chuột trông thấy ngỡ gì ?

Một chú chuột reo lên thế nào ? Một chú khác reo thế nào ? Rồi hai chú làm gì ? Mèo có vỗ được chuột không ? Con mèo này có láu-lỉnh không ?

119. — BẦY CHIM NON

(Bài hát theo điệu Frère Jacques)

Bầy chim hót mừng,
Bầy chim hót mừng,
Chào hoa thăm !
Chào hoa thăm !
Tay nắm tay, ta quay đều,
Tay nắm tay, ta quay đều,
Vui cười vui !
Vui cười vui !

M. H.

TRÒ CHƠI

A) **Bầy chim non.** — Các em cầm tay nhau nhảy vòng tròn và hát bài trên này. Cứ đến câu « Tay nắm tay... » thì quay nhanh hơn.

Hát hết bài, thì quay ngược lại và hát lại.

B) **Mèo chuột.** — Người chơi đứng vòng tròn, tay dang ra, nắm lấy nhau. Hai người vào giữa. Một người làm Mèo, một người làm chuột. Còi một tiếng (hay vỗ tay), Mèo đuổi chuột quanh vòng. Chuột chạy đâu thì Mèo phải qua đấy. Chuột làm gì Mèo cũng phải làm thế, chẳng hạn chuột quay một vòng, lộn ba vòng, lộn đi lộn lại v. v. (có thể lượn qua các cửa vòng).

Mèo đang đuổi Chuột mà nghe thấy tiếng còi, thì lập tức phải cúp đuôi chạy cho mau, Chuột quay lại đuổi liền.

Ai đuổi sai lỗi, ai chạy bị người đuổi đập vào lưng đều kể là thua, phải lò cò quanh vòng. Rồi thay hai người khác làm Mèo, Chuột.

CÂU ĐỐ

A) Mồm bò, chẳng phải mồm bò, lại hóa mồm bò — Là con gì ở hồ ao ? (Con ốc đang bò bằng miệng).

B) Bằng cái vung, vung xuống ao, đào không thấy, lấy không được — Là cái gì ? (Bóng mặt giếng dưới ao).

MỤC LỤC

Tập đọc, học thuộc lòng, truyện vui

Số bài	Số trang	Số bài	Số trang
1 — Anh Thành.....	3	43 — Kéo cò.....	27
2 — Con búp-bê.....	3	44 — Chạy thi.....	27
3 — Chị Hào.....	4	45 — Nhảy dây.....	28
4 — Con búp-bê (tiếp theo)....	4	46 — Chạy thi (tiếp theo).....	28
5, 6 — Vợ chồng gấu.....	5	47, 48 — Người không lồ.....	29
7 — Tập tầm vông.....	6	49 — Cướp cò.....	30
8 — Tò quạ.....	7	50 — Đánh răng.....	31
9 — Chải đầu.....	7	51 — Tắm rửa.....	31
10 — Rửa mặt.....	8	52 — Cắt móng tay.....	32
11 — Chải đầu (tiếp theo).....	8	53 — Tắm rửa (tiếp theo).....	32
12, 13 — Vợ chồng gấu (tiếp theo)	9	54, 55 — Người không lồ (t. theo)	33
14 — Tập tầm vông (tiếp theo) ..	10	56 — Cướp cò (tiếp theo).....	34
15 — Người phu xe.....	11	57 — Trường em.....	35
16 — Lưng còng.....	11	58 — Đi học.....	35
17 — Con chó gầy.....	12	59 — Sân trường.....	36
18 — Lưng còng (tiếp theo).....	12	60 — Đi học (tiếp theo).....	36
19, 20 — Ba chú lùn.....	13	61, 62 — Ăn trộm bò.....	37
21 — Pháo tập tàng.....	14	63 — Cam, quýt, mít, hồng.....	38
22 — Bé tập đi.....	15	64 — Lớp học.....	39
23 — Chân và tay.....	15	65 — Cái bảng đen.....	39
24 — Bàn tay đẹp.....	16	66 — Bàn ghế.....	40
25 — Chân và tay (tiếp theo)....	16	67 — Cái bảng đen (tiếp theo)....	40
26, 27 — Ba chú lùn (tiếp theo) ..	17	68, 69 — Ăn trộm bò (tiếp theo) ..	41
28 — Pháo tập tàng (tiếp theo) ..	18	70 — Cam, quýt, mít, hồng (t. t.)	42
29 — Mắt sáng.....	19	71 — Cô giáo.....	43
30 — Chơi vườn.....	19	72 — Yêu bạn.....	43
31 — Thò lò mũi xanh.....	20	73 — Bạn học.....	44
32 — Cái vườn (tiếp theo).....	20	74 — Yêu bạn (tiếp theo).....	44
33, 34 — Thằng Bần.....	21	75, 76 — Thằng bé Tí Hon.....	45
35 — Ếch ộp.....	22	77 — Kéo gỗ.....	46
36 — Ăn cam.....	23	78 — Quyền vớ.....	47
37 — Anh điếc.....	23	79 — Cặp sách.....	47
38 — Nghe chim hót.....	24	80 — Quyền sách.....	48
39 — Anh điếc (tiếp theo).....	24	81 — Cặp sách (tiếp theo).....	48
40, 41 — Thằng Bần (tiếp theo) ..	25	82, 83 — Thằng bé Tí Hon (t. t.)	49
42 — Ếch ộp (tiếp theo).....	26	84 — Kéo gỗ (tiếp theo).....	50

Số bài	Số trang	Số bài	Số trang
85 — Viết tập.....	51	103, 104 — Mưu cóc tía (tiếp theo)	61
86 — Học bài.....	51	105 — Chèo dò.....	62
87 — Tập đọc.....	52	106 — Học trò tốt.	63
88 — Học bài.....	52	107 — Chăm và lười.....	63
89, 90 — Mưu cóc tía.....	53	108 — Học trò xấu.....	64
91 — Vỗ tay.....	54	109 — Chăm và lười (tiếp theo).	64
92 — Nhăn, khóc, cười.....	55	110, 111 — Mưu cóc tía (tiếp theo)	65
93 — Rõng rần.....	55	112 — Chèo dò (tiếp theo).....	66
94 — Giung-giăng.....	56	113 — Ông kể truyện.....	67
95 — Rõng rần (tiếp theo).....	56	114 — Yêu bà.....	67
96, 97 — Mưu cóc tía (tiếp theo)	57	115 — Bà chia quà.....	68
98 — Vỗ tay (tiếp theo).....	58	116 — Lạy trời.....	68
99 — Tập thề dục.....	59	117, 118 — Con mèo lấu-linh...	69
100 — Đá bóng.....	59	119 — Bầy chim non.....	70
101 — Tập thở.....	60	Mục lục.....	71
102 — Đá bóng (tiếp theo).....	60		

Trò chơi

Số bài	Số trang	Số bài	Số trang
1 — Tập tầm vông I.....	6	18 — Bịt mắt bắt dê.....	38
2 — Bà còng.....	6	19 — Cam, quýt, mít, hồng II...	42
3 — Tập tầm vông II.....	10	20 — Săn thỏ.....	42
4 — Tênh tênh.....	10	21 — Kéo gỗ I.....	46
5 — Pháo tập tàng I.....	14	22 — Châu chấu.....	46
6 — Ngựa bình kho.....	14	23 — Kéo gỗ II.....	50
7 — Pháo tập tàng II.....	18	24 — Lợn đòi chuồng.....	50
8 — Phơi tôm.....	18	25 — Vỗ tay I.....	54
9 —Ếch ộp I.....	22	26 — Giật khăn quàng.....	54
10 — Cắm cườì.....	22	27 — Vỗ tay II.....	58
11 —Ếch ộp II.....	26	28 — Nhảy vô.....	58
12 — Điện thoại.....	26	29 — Chèo dò I.....	62
13 — Cướp cờ I.....	30	30 — Chim bay.....	62
14 — Đáo mũ.....	30	31 — Chèo dò II.....	66
15 — Cướp cờ II.....	34	32 — Thò thụt.....	66
16 — Phá thành.....	34	33 — Bầy chim non.....	70
17 — Cam, quýt, mít, hồng I...	38	34 — Mèo, chuột.....	70

HỌC TIẾP BẰNG SÁCH

TẬP ĐỌC VUI (QUYỀN II)

Sách Tập Đọc Vui do nhà L. H. B. V. tái bản lần thứ I.
In 5.000 cuốn tại nhà in Nguyễn-văn-Cửa. Xong tháng 4-1955

LIÊN-HIỆP BẮC-VIỆT XUẤT-BẢN THƯ CỤC

YÊN-SƠN — NGUYỄN-DU

Trụ-sở tạm thời : 174/14-A Champagne — SAIGON

Văn Quốc-ngữ thực - hành loại mới Nguyễn - Bình : 14\$

Địa-lý lớp Nhất. . .	15\$	Mẹo tiếng Pháp..... (Văn-Dung)	30\$
Địa-lý lớp Nhì. . .	12,	Thủy tĩnh đệ thất..	5,
Những bài tính khó	8,	Vật lý đệ tam . . .	15,
Học tiếng Pháp lớp	5,	Tĩnh học Cồ thê ..	10,
nhì nhất.		Sách dạy nấu ăn ...	15,
Địa-lý lớp Ba. (Một nhóm giáo- viên)	12,	Toán pháp lớp nhì ..	24,
Địa-lý lớp Tư. — —	5,	Em bé học A. B. C... (Nguyễn-Bình)	8,
Modèle de lettre courante (Văn-Dung)	25,	Quốc-ngữ vui....	10,
Văn-phạm pháp phổ-thông. —	20,	Văn quốc-ngữ thực-hành loại cũ ..	12,
Toán học đệ thất . . .	20,	Văn quốc-ngữ cấp-tốc	9,
Hình học chứng minh...	16,	Đánh vần vui (lớp năm)	
690 Bài tính lớp Nhất.	15,	Tập đọc vui quyền I (lớp năm)	14,
690 Bài tính tập II ..	12,	Tập đọc vui quyền II (lớp năm)	
Toán trọn lợc Trung-học	5,	Đánh vần tập đọc (lớp năm)	
Toán hóa học Hữu cơ.	12,	Tập đọc trọn quyền I (lớp năm)	
Muốn giỏi toán hóa học	18,	Tập đọc trọn quyền II (lớp năm)	
560 bài tính đồ lớp Nhất (V. q. Khanh)	12,	350 bài tính đồ (lớp nhì)	
Văn phạm lớp Ba.....	10,	Tính và tính đồ (lớp ba)	
A. B. C. Tranh màu... (Duy-Nhất)	10,	Tính và tính đồ (lớp tư)	
Thủy tĩnh học đệ tam.....	15,	Tính và tính đồ (lớp năm)	
40 bài Toán màu.....	8,	Bộ chữ A. B. C.	
Đức dục lớp Nhất. (Vũ-quốc Khanh)	10,	Muốn giỏi tính đồ (lớp nhất)	
Đức dục lớp Nhì. —	10,	Vẽ và thủ công (lớp ba, lớp tư)	
Đức dục lớp Ba.....	12,	Văn Pháp ngữ	
Đức dục lớp Tư.....	10,	Sử Việt-Nam (đệ tứ)	28,
Đức dục lớp Năm.....	8,	Sử Việt-Nam (đệ ngũ)	
Việt sử lớp Ba.... (Trần-ngọc-Trụ)	12,	Sử Việt-Nam (đệ tam)	
Hình học lớp Nhất Nhì.	10,	Pháp-văn toàn thư	
Toán pháp lớp Ba ...	14,	A. B. C. vui cười	
Toán pháp lớp Tư ...	10,	Sách dạy lái xe ..	50,
Công thức Trung học. (Đ. d. Cường)	10,	Điện ô-tô	50,
Công thức toán tiểu học (Phúc-Lộc)	12,	Bộ chế Hòa-khí...	50,
Toán hóa học vô cơ.	10,	Đời thông 2 mộ.....	25,
Vật lý đệ thất . . .	15,		
Trọng lực đệ thất .	10,		

Với mọi điều kiện dễ dàng

Các hiệu sách cần đứng đại-lý—Các trường-học muốn có sách cho học-sinh
Biên thư hỏi Ban Giám-đốc 174/14A đường Champagne — SAIGON

Dấu và chữ ký
của nhà xuất bản

Giá bán { Nam-Việt..... 14 \$
 { Các nơi..... 15 \$

14000

HIEU - SÁCH